

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 63

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 36 ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên
Bà Trần Thị Thoản	Thành viên
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Nguyễn Lê Trung.

Bà Hòa Thị Thu Hà, Phó Tổng Giám đốc, được người đại diện theo pháp luật ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 1001/2022/UQ ngày 10 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

18
IG
EM
&
TN
H



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12117920/E- 68434748

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 7 đến trang 63, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

11/07/2025 15:11



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1

Ngô Thị Phương Nhung
Kiểm toán viên
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 3069-2024-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.718.530.108.296	2.677.631.579.024
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.502.546.366.440	1.516.218.987.027
111	1. Tiền		1.221.207.424.886	1.109.790.439.543
112	2. Các khoản tương đương tiền		281.338.941.554	406.428.547.484
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	132.526.500.000	29.323.936.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		132.526.500.000	29.323.936.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		364.401.317.306	617.223.468.992
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	246.159.446.019	210.142.938.102
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	113.311.199.249	27.375.562.913
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	1.500.000.000	356.920.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	3.430.672.038	22.784.967.977
140	IV. Hàng tồn kho	10	683.028.564.319	501.439.424.725
141	1. Hàng tồn kho		683.028.564.319	501.439.424.725
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		36.027.360.231	13.425.762.280
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.367.460.986	5.857.492.079
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	33.659.899.245	7.565.782.701
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	2.487.500

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.494.536.947.819	4.902.588.384.112
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.048.819.081	16.048.819.081
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	-	15.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	1.048.819.081	1.048.819.081
220	II. Tài sản cố định		1.384.777.065.653	1.133.723.635.711
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.328.702.267.521	1.075.125.020.196
222	Nguyên giá		3.005.815.048.918	2.621.886.732.613
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.677.112.781.397)	(1.546.761.712.417)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	56.074.798.132	58.598.615.515
228	Nguyên giá		79.312.510.029	79.162.510.029
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.237.711.897)	(20.563.894.514)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	14	68.319.430.464	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		68.319.430.464	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		3.759.957.510.903	3.693.847.291.421
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	3.995.728.676.794	2.807.566.671.231
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	128.709.199.227	1.143.203.927.841
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	15	(364.480.365.118)	(256.923.307.651)
260	V. Tài sản dài hạn khác		280.434.121.718	58.968.637.899
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	278.672.776.023	56.852.442.791
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	1.761.345.695	2.116.195.108
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.213.067.056.115	7.580.219.963.136

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.760.245.383.431	2.391.059.680.616
310	I. Nợ ngắn hạn		2.239.260.932.454	2.218.536.434.257
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	379.391.209.171	258.062.065.521
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	108.285.566.511	65.131.439.052
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	46.740.224.207	4.153.819.336
314	4. Phải trả người lao động		23.169.940.373	18.583.720.769
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	32.182.653.260	31.309.017.264
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.527.687.226	5.049.387.762
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.642.559.164.541	1.834.486.295.842
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	4.404.487.165	1.760.688.711
330	II. Nợ dài hạn		520.984.450.977	172.523.246.359
338	1. Vay dài hạn	20	520.984.450.977	172.523.246.359
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.452.821.672.684	5.189.160.282.520
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	5.452.821.672.684	5.189.160.282.520
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		823.961.323.817	823.961.323.817
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		72.330.911.673	72.330.911.673
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.612.477.781	11.612.477.781
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		722.171.999.413	458.510.609.249
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		425.666.189.605	294.288.511.031
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		296.505.809.808	164.222.098.218
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.213.067.056.115	7.580.219.963.136

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Thùy Vân

Nguyễn Thị Thùy Vân
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Vân

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	4.017.916.547.847	4.151.047.628.319
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	(113.324.950)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	4.017.916.547.847	4.150.934.303.369
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(3.396.124.168.342)	(3.631.241.292.475)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		621.792.379.505	519.693.010.894
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	303.779.356.341	149.673.119.824
22	7. Chi phí tài chính	26	(224.000.595.090)	(191.913.520.607)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)</i>		<i>(105.463.320.371)</i>	<i>(119.641.696.676)</i>
25	8. Chi phí bán hàng	27	(241.526.246.873)	(188.950.499.426)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(102.532.361.832)	(76.828.312.841)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		357.512.532.051	211.673.797.844
31	11. Thu nhập khác	29	5.094.041.692	6.648.060.622
32	12. Chi phí khác	29	(4.766.055.574)	(4.572.217.135)
40	13. Lợi nhuận khác		327.986.118	2.075.843.487
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		357.840.518.169	213.749.641.331
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(60.979.858.948)	(49.188.807.503)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.3	(354.849.413)	(338.735.610)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		296.505.809.808	164.222.098.218

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Thùy Vân
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		357.840.518.169	213.749.641.331
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12,13	172.912.197.769	185.073.341.697
03	Các khoản dự phòng		107.557.057.467	55.816.041.370
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4.936.877.222)	(1.954.984.236)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(190.637.147.048)	(112.760.502.983)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu và khoản vay)	26	112.581.720.919	126.683.081.636
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		555.317.470.054	466.606.618.815
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(72.764.518.922)	543.483.186.094
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(181.589.139.594)	332.847.634.658
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		156.323.726.498	(202.044.517.362)
12	Tăng chi phí trả trước		(221.646.882.464)	(11.061.786.148)
14	Tiền lãi vay đã trả		(109.311.214.560)	(118.596.919.650)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(18.502.182.958)	(38.638.000.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	21	(30.200.621.190)	(19.629.559.328)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		77.626.636.864	952.966.657.079
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(544.961.360.519)	(18.929.442.568)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.097.497.221	3.070.141.601
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(285.296.500.000)	(1.045.293.936.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		552.513.936.000	656.550.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(173.667.276.949)	(382.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		204.484.740.718	92.649.716.859
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(244.828.963.529)	(693.953.520.108)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		3.478.196.259.669	3.226.805.492.557
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.330.490.043.139)	(3.076.719.861.680)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(23.343.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		147.706.216.530	150.062.287.377
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(19.496.110.135)	409.075.424.348
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.516.218.987.027	1.105.171.343.367
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		5.823.489.548	1.972.219.312
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.502.546.366.440	1.516.218.987.027

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Thùy Vân
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng




Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 36 ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty An Phát Holdings”) là công ty mẹ cấp cao nhất của Công ty, Công ty An Phát Holdings và các công ty con sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.673 (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.684 người).

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 17 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 11 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023	Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
1	Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Hil" hoặc "Công ty An Tiến")	54,85%	54,85%	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Sản xuất hạt phụ gia nhựa và bột đá
2	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex")	93,04%	93,04%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
3	An Thanh Bicol Singapore PTE. Ltd. ("Công ty An Thành Singapore") (i)	54,85%	100%	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	Kinh doanh hạt nhựa
4	Công ty Cổ phần An Thành Bicol ("Công ty An Thành") (i)	76,66%	99,69%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Kinh doanh hạt nhựa
5	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (i)	54,31%	99%	Lô CN11+CN 12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và viễn dương
6	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1") (i)	94,7%	99,99%	Khu công nghiệp An Phát 1, Km 72, quốc lộ 37, xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 17 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 11 công ty con) với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	31 tháng 12 năm 2024	31 tháng 12 năm 2023	Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
7	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh")	99,95%	99,95%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa
8	An Phát International, Inc.	99,99%	99,99%	10701 Corporate Drive, Suite 268, Stafford, Texas 77477, USA	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
9	AFC EcoPlastics, LLC.	87,5%	87,5%	PO Box 1831 Austin, Texas 78767, USA	Kinh doanh hạt nhựa
10	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (i)	67,48%	100%	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
11	Ankor Bioplastics Co., Ltd ("Công ty Ankor") (i)	21,93%	51%	216, Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si, Gangwon-do, Republic of Korea (26362)	Sản xuất sản phẩm từ nhựa
12	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	62,75%	62,75%	-	Sản xuất, kinh doanh nhựa kỹ thuật

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 17 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 11 công ty con) với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	31 tháng 12 năm 2024		31 tháng 12 năm 2023		Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
13	Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung") (i)	62,75%	100%	-	-	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, KM47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất, kinh doanh nhựa bao bì, nhựa kỹ thuật, nhựa gia dụng
14	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (i)	62,75%	100%	-	-	Thôn Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa
15	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC") (i)	62,75%	100%	-	-	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, KM47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất khuôn mẫu và sản phẩm gia công cơ khí
16	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường") (i)	62,75%	99,84%	-	-	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, KM47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nhựa nội thất
17	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên ("Công ty Lương Điền Ngọc Liên") (i)	94,7%	99,99%	-	-	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, Thị Trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp

(i) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát các công ty con này trực tiếp và/hoặc gián tiếp thông qua một số công ty con khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đề ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	8 - 25 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 12 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 47 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng và thuê đất;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Người mua trả tiền trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản "Người mua trả tiền trước" trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ được trích lập theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các năm tài chính nhằm mục đích dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại và kinh doanh thương mại các loại vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, trong khi doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty gồm hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh thương mại và các hoạt động khác. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

4.1 Mở rộng quy mô và tăng tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy 8

Ngày 9 tháng 1 năm 2024, UBND tỉnh Hải Dương đã phê duyệt Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 61/QĐ – UBND về việc thay đổi tên, mở rộng quy mô và tăng tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy 8 của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Thông tin Dự án được điều chỉnh cụ thể như sau:

- ▶ Tên dự án: Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa;
- ▶ Mục đích dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm từ nhựa (bao bì, tấm sàn nhựa vật liệu xây dựng) nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường;
- ▶ Quy mô dự án: sản xuất bao bì phức hợp, hạt nhựa compound, phân tách làm sạch các loại hạt nhựa và sản xuất tấm sàn nhựa vật liệu xây dựng; và
- ▶ Tổng vốn đầu tư dự án: 992.599.000.000 VND.

Tháng 11 năm 2024, dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động.

4.2 Mua Công ty Nhựa Hà Nội

Theo Nghị quyết số 100902/2024/NQ-HĐQT, ngày 10 tháng 9 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc mua thêm 11.160.308 cổ phiếu của Công ty Nhựa Hà Nội từ Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings, Công ty mẹ của Công ty và cũng là công ty mẹ của Công ty Nhựa Hà Nội. Ngày 26 tháng 9 năm 2024, Công ty đã hoàn thành giao dịch mua này và tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Nhựa Hà Nội lên 62,75%. Qua đó, Công ty Nhựa Hà Nội chính thức trở thành công ty con của Công ty.

Tại thời điểm mua, Công ty Nhựa Hà Nội có 4 công ty con bao gồm Công ty An Trung, Công ty VIEXIM, Công ty VMC với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 100% và Công ty An Cường với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 94,85%. Theo đó, 4 công ty này chính thức trở thành công ty con gián tiếp của Công ty.

Công ty Nhựa Hà Nội tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 0100100858 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty cũng được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 11 cấp ngày 13 tháng 10 năm 2023.

4.3 Mua Công ty Lương Điện Ngọc Liên

Theo Nghị quyết số 1210/2024/NQ-ĐHĐCH ngày 12 tháng 10 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty An Phát Complex 1, công ty con của Công ty, đã thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Lương Điện Ngọc Liên. Ngày 16 tháng 10 năm 2024, Công ty An Phát Complex 1 đã hoàn thành mua 32.498.000 cổ phiếu, tương ứng 99,99% tỷ lệ lợi ích của Công ty Lương Điện Ngọc Liên. Theo đó, Công ty Lương Điện Ngọc Liên chính thức trở thành công ty con gián tiếp của Công ty với tỷ lệ quyền biểu quyết là 99,99%.

Công ty Lương Điện Ngọc Liên là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801334886 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 28 tháng 9 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 4 ngày 22 tháng 1 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	727.945.338	665.039.332
Tiền gửi ngân hàng	1.220.479.479.548	1.109.125.400.211
Các khoản tương đương tiền (*)	281.338.941.554	406.428.547.484
TỔNG CỘNG	1.502.546.366.440	1.516.218.987.027

(*) Các khoản tiền gửi bằng VND và USD tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, với lãi suất tiền gửi bằng VND từ 1,9% đến 4,75%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: tiền gửi bằng VND từ 3,2% đến 5,3%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm).

Một số khoản tiền gửi có kỳ hạn và tiền tại tài khoản thanh toán của Công ty được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn	132.526.500.000	132.526.500.000	-	29.323.936.000	29.323.936.000	-
TỔNG CỘNG	132.526.500.000	132.526.500.000	-	29.323.936.000	29.323.936.000	-

Các khoản tiền gửi bằng VND và USD tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, với lãi suất tiền gửi bằng VND từ 2,9% đến 4,5%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: tiền gửi bằng VND từ 5,2% đến 7%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm).

Một số khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	241.823.674.612	180.354.023.953
<i>KOMPOL SP. Z O.O</i>	37.532.081.410	17.872.813.398
<i>Các khách hàng khác</i>	204.291.593.202	162.481.210.555
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	4.335.771.407	29.788.914.149
TỔNG CỘNG	<u>246.159.446.019</u>	<u>210.142.938.102</u>

Một số khoản phải thu khách hàng đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng thương mại của Công ty tại Thuyết minh 20.

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	113.311.199.249	26.375.562.913
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp ANI (*)</i>	63.489.957.143	-
<i>Asia Oriental Technology PTE.,LTD</i>	17.969.615.240	-
<i>Công ty Cổ phần Premier Outlet Việt Nam</i>	13.580.288.922	20.000.000.000
<i>Các bên khác</i>	18.271.337.944	6.375.562.913
Trả trước cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	-	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>113.311.199.249</u>	<u>27.375.562.913</u>

(*) Đây là các khoản trả trước cho nhà thầu xây dựng cho Dự án Nhà máy sản xuất bao bì nhựa và bao bì phân hủy sinh học.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay các bên khác (*)	1.500.000.000	-
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	356.920.000.000
TỔNG CỘNG	1.500.000.000	356.920.000.000
Dài hạn		
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	-	15.000.000.000

(*) Khoản cho vay tín chấp một cá nhân với lãi suất 4%/năm và đáo hạn vào ngày 18 tháng 7 năm 2025.

9. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Lãi dự thu	2.949.672.038	-	19.335.762.929	-
Cổ tức được chia (*)	441.000.000	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	40.000.000	-	716.808.520	-
Ký quỹ	-	-	2.010.187.111	-
Phải thu khác	-	-	722.209.417	-
TỔNG CỘNG	3.430.672.038	-	22.784.967.977	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>2.989.672.038</i>	<i>-</i>	<i>3.756.624.204</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>441.000.000</i>	<i>-</i>	<i>19.028.343.773</i>	<i>-</i>
Dài hạn				
Đặt cọc thuê văn phòng	350.576.081	-	350.576.081	-
Phải thu khác	698.243.000	-	698.243.000	-
TỔNG CỘNG	1.048.819.081	-	1.048.819.081	-

(*) Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt, công ty liên kết của Công ty, theo thông báo số 12/2024/TB-NVS ngày 19 tháng 12 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	243.270.796.271	-	75.165.665.694	-
Nguyên vật liệu	217.490.912.336	-	236.337.085.492	-
Công cụ, dụng cụ	18.717.524.482	-	21.401.425.834	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.397.770.594	-	5.588.020.358	-
Thành phẩm	99.118.813.635	-	109.206.490.703	-
Hàng hóa	42.753.808	-	49.149.103	-
Hàng gửi đi bán	94.989.993.193	-	53.691.587.541	-
TỔNG CỘNG	683.028.564.319	-	501.439.424.725	-

Hàng tồn kho của Công ty với giá trị 88,2 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	Ngắn hạn	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	968.403.817	4.864.331.569
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.399.057.169	993.160.510
TỔNG CỘNG	2.367.460.986	5.857.492.079
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	240.709.372.880	37.713.833.205
Chi phí sửa chữa lớn	24.470.438.503	10.555.737.579
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.891.418.782	8.030.522.457
Chi phí trả trước khác	2.601.545.858	552.349.550
TỔNG CỘNG	278.672.776.023	56.852.442.791

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	761.727.723.956	1.660.304.340.323	150.700.038.346	7.948.412.734	18.054.150.000	23.152.067.254	2.621.886.732.613
- Mua trong năm	-	288.921.887.171	30.360.453.535	153.500.000	-	3.582.661.546	323.018.502.252
- Đầu tư XDCB hoàn thành	97.378.545.134	-	-	-	-	-	97.378.545.134
- Thanh lý, nhượng bán	-	(23.924.142.981)	(12.544.588.100)	-	-	-	(36.468.731.081)
Số cuối năm	859.106.269.090	1.925.302.084.513	168.515.903.781	8.101.912.734	18.054.150.000	26.734.728.800	3.005.815.048.918
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	50.499.180.390	516.989.788.907	59.088.920.307	4.005.738.411	2.466.500.000	5.016.404.296	638.066.532.311
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Số đầu năm	227.888.546.351	1.171.125.374.139	113.479.375.722	6.788.744.128	9.033.053.115	18.446.618.962	1.546.761.712.417
- Khấu hao trong năm	33.452.843.892	119.941.653.735	9.944.723.431	806.542.969	1.077.495.000	1.596.541.034	166.819.800.061
- Thanh lý, nhượng bán	-	(23.924.142.981)	(12.544.588.100)	-	-	-	(36.468.731.081)
Số cuối năm	261.341.390.243	1.267.142.884.893	110.879.511.053	7.595.287.097	10.110.548.115	20.043.159.996	1.677.112.781.397
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	533.839.177.605	489.178.966.184	37.220.662.624	1.159.668.606	9.021.096.885	4.705.448.292	1.075.125.020.196
Số cuối năm	597.764.878.847	658.159.199.620	57.636.392.728	506.625.637	7.943.601.885	6.691.568.804	1.328.702.267.521

Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 914 tỷ VND của Công ty đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	78.087.072.029	1.075.438.000	79.162.510.029
- Mua trong năm	-	150.000.000	150.000.000
Số cuối năm	<u>78.087.072.029</u>	<u>1.225.438.000</u>	<u>79.312.510.029</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	284.500.000	284.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	19.946.942.194	616.952.320	20.563.894.514
- Hao mòn trong năm	<u>2.532.803.640</u>	<u>141.013.743</u>	<u>2.673.817.383</u>
Số cuối năm	<u>22.479.745.834</u>	<u>757.966.063</u>	<u>23.237.711.897</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>58.140.129.835</u>	<u>458.485.680</u>	<u>58.598.615.515</u>
Số cuối năm	<u>55.607.326.195</u>	<u>467.471.937</u>	<u>56.074.798.132</u>

Giá trị quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại là 55,6 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa (*)	66.399.480.464	-
Khác	<u>1.919.950.000</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>68.319.430.464</u>	<u>-</u>

(*) Bao gồm chi phí máy móc, thiết bị của Nhà máy 8 - Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)	3.995.728.676.794	(364.480.365.118)	2.807.566.671.231	(256.923.307.651)	
- Công ty An Tiến	407.298.831.231	-	179.813.633.100	-	216.584.510.880
- Công ty An Phát Complex	921.840.000.000	-	(i)	-	(i)
- Công ty An Phát Complex 1	295.560.000.000	-	(i)	-	(i)
- Công ty An Vinh	461.395.540.000	-	(i)	-	(i)
- An Phat International, Inc.	455.040.300.000	(277.996.654.065)	(i)	(193.886.852.368)	(i)
- Công ty An Thành	174.412.000.000	(50.776.038.367)	(i)	(63.036.455.283)	(i)
- Công ty PBAT	92.020.000.000	(35.707.672.686)	(i)	92.020.000.000	(i)
- Công ty Nhựa Hà Nội (ii)	1.188.162.005.563	-	601.386.609.300	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2)	128.709.199.227	-	-	-	-
- Công ty Nhựa Hà Nội (ii)	-	-	1.143.203.927.841	-	636.134.257.600
- Công ty Nhựa Bao bì Vinh	74.316.719.775	-	-	1.014.494.728.614	57.493.018.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt	54.392.479.452	-	52.266.380.000	74.316.719.775	(i)
TỔNG CỘNG	4.124.437.876.021	(364.480.365.118)	3.950.770.599.072	(256.923.307.651)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty An Tiến (mã chứng khoán giao dịch: HII), Công ty Nhựa Hà Nội (mã chứng khoán giao dịch: NHH) và Công ty Nhựa Bao bì Vinh (mã chứng khoán giao dịch: VBC) được xác định theo giá đóng cửa phiên giao dịch tại các ngày cuối kỳ kế toán năm trên sàn chứng khoán HOSE. Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó Công ty không trích lập dự phòng.
- Cổ phiếu của các công ty còn lại không được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

- (ii) Trong năm, Công ty đã mua thêm 11.160.308 cổ phiếu của Công ty Nhựa Hà Nội. Theo đó, năng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Nhựa Hà Nội lên 62,75%.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	256.923.307.651	201.107.266.281
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	119.817.474.383	64.433.372.326
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(12.260.416.916)	(8.617.330.956)
Số cuối năm	<u>364.480.365.118</u>	<u>256.923.307.651</u>

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản đầu tư trực tiếp tại 8 công ty con với tỷ lệ như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7):

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty An Tiến	54,85%	54,85%	54,85%	54,85%
Công ty An Phát Complex	93,04%	93,04%	93,04%	93,04%
Công ty An Phát Complex 1	24%	99,99%	24%	99,99%
Công ty An Vinh	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
An Phat International, Inc.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty An Thành	48,69%	99,69%	48,69%	99,69%
Công ty PBAT	21,15%	100%	21,15%	55%
Công ty Nhựa Hà Nội	62,75%	62,75%	-	-

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần giải pháp và dịch vụ phần mềm Nam Việt	BT4 lô E9 Vimexco, đường Phạm Hùng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản phần mềm	49%	49%	49%	49%
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh ("Công ty Nhựa Bao bì Vinh")	Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh bao bì nhựa	34,84%	34,84%	34,84%	34,84%
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh nhựa kỹ thuật	-	-	47,44%	47,44%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	354.358.304.543	354.358.304.543	237.534.280.479	237.534.280.479
Chevron Phillips				
Chemicals Asia Pte Ltd	91.074.065.765	91.074.065.765	27.412.800.880	27.412.800.880
Sabic Asia Pacific Pte	58.294.223.236	58.294.223.236	3.481.315.200	3.481.315.200
Qatarenergy Marketing	46.898.604.990	46.898.604.990	21.190.821.300	21.190.821.300
Công ty Gulf Polymers				
Distribution FZCO	-	-	96.364.749.545	96.364.749.545
Khác	158.091.410.552	158.091.410.552	89.084.593.554	89.084.593.554
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	25.032.904.628	25.032.904.628	20.527.785.042	20.527.785.042
TỔNG CỘNG	379.391.209.171	379.391.209.171	258.062.065.521	258.062.065.521

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước khác	43.480.935.921	43.480.935.921	57.440.158.533	57.440.158.533
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	64.804.630.590	64.804.630.590	7.691.280.519	7.691.280.519
TỔNG CỘNG	108.285.566.511	108.285.566.511	65.131.439.052	65.131.439.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.072.008.111	60.979.858.948	(18.502.182.958)	46.549.684.101
Thuế giá trị gia tăng	-	10.011.311.007	(10.011.311.007)	-
Các loại thuế khác	81.811.225	3.799.128.720	(3.690.399.839)	190.540.106
TỔNG CỘNG	<u>4.153.819.336</u>	<u>74.790.298.675</u>	<u>(32.203.893.804)</u>	<u>46.740.224.207</u>
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số được miễn trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	7.565.782.701	209.319.488.943	(183.225.372.399)	33.659.899.245
Thuế bảo vệ môi trường	2.487.500	-	(2.487.500)	-
TỔNG CỘNG	<u>7.568.270.201</u>	<u>209.319.488.943</u>	<u>(183.227.859.899)</u>	<u>33.659.899.245</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	5.138.085.439	8.985.979.628	
Trích trước lương tháng 13	21.275.623.957	18.208.181.745	
Chi phí khác	5.768.943.864	4.114.855.891	
TỔNG CỘNG	<u>32.182.653.260</u>	<u>31.309.017.264</u>	

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	1.350.376.827	4.566.576.078
Cổ tức phải trả	109.328.043	109.328.043
Phải trả khác	1.067.982.356	373.483.641
TỔNG CỘNG	<u>2.527.687.226</u>	<u>5.049.387.762</u>

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Điều chỉnh khác	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn								
Vay ngắn hạn	1.237.115.917.049	1.237.115.917.049	2.966.293.421.772	(2.726.384.471.394)	1.709.456.239	1.478.734.323.666	1.478.734.323.666	
Vay dài hạn đến hạn trả	129.745.000.011	129.745.000.011	163.824.840.875	(130.320.000.000)	574.999.989	163.824.840.875	163.824.840.875	
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	467.625.378.782	467.625.378.782	-	(470.000.000.000)	2.374.621.218	-	-	
	1.834.486.295.842	1.834.486.295.842	3.130.118.262.647	(3.326.704.471.394)	4.659.077.446	1.642.559.164.541	1.642.559.164.541	
Vay dài hạn								
Vay ngắn hạn	172.523.246.359	172.523.246.359	511.902.837.897	(167.610.412.620)	4.168.779.341	520.984.450.977	520.984.450.977	
	172.523.246.359	172.523.246.359	511.902.837.897	(167.610.412.620)	4.168.779.341	520.984.450.977	520.984.450.977	
TỔNG CỘNG	2.007.009.542.201	2.007.009.542.201	3.642.021.100.544	(3.494.314.884.014)	8.827.856.787	2.163.543.615.518	2.163.543.615.518	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	VND 1.020.991.998.214	Nguyên tệ 1.020.991.998.214		
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	457.742.325.452	17.914.894 USD		
		Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, từ 4 tháng đến 6 tháng. Nợ gốc trả hàng quý. Lãi vay trả hàng tháng. Gốc vay đáo hạn lần cuối vào ngày 26 tháng 06 năm 2025.	3,6% - 4,5%	(i)
		Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, từ 5 tháng đến 6 tháng. Nợ gốc trả hàng quý. Lãi vay trả hàng tháng. Gốc vay đáo hạn lần cuối vào ngày 25 tháng 06 năm 2025.	3,9% - 4,45%	(i)

TỔNG CỘNG 1.478.734.323.666

(i) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng VND và USD của Công ty tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 48 tỷ VND;
- Bảo lãnh cá nhân của một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty;
- Các khoản phải thu hình thành từ vốn vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng;
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với tổng trị giá 88,2 tỷ VND hình thành từ nguồn tiền vay tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hải Dương;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 1, 2, 5 và 6; và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, và một số tài sản khác.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	684.809.291.852	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, từ 36 tới 72 tháng. Nợ gốc trả hàng quý. Lãi vay trả hàng tháng hoặc quý. Ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 6 năm 2030.	5,2% - 8,7%	(ii)
TỔNG CỘNG	684.809.291.852			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	163.824.840.875			
Vay dài hạn	520.984.450.977			

(ii) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng VND và USD của Công ty tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 4 tỷ VND;
- Các khoản phải thu hình thành từ vốn vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng;
- Bảo lãnh cá nhân của một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 1, 2, 5, 6 và 8;
- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY737232, CY338692, CY338691 tại Lô CN11+CN1, khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, KM47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam; và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và một số tài sản khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.760.688.711	14.622.053.168
Trích quỹ trong năm (*)	32.844.419.644	6.768.194.871
Sử dụng trong năm	<u>(30.200.621.190)</u>	<u>(19.629.559.328)</u>
Số cuối năm	<u>4.404.487.165</u>	<u>1.760.688.711</u>

(*) Trong năm, Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ phục vụ công tác điều hành và hoạt động cộng đồng theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông như trình bày tại Thuyết minh số 22.1.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước						
Số đầu năm	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	301.056.705.902	5.031.706.379.173
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	164.222.098.218	164.222.098.218
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.768.194.871)	(6.768.194.871)
Số cuối năm	<u>3.822.744.960.000</u>	<u>823.961.323.817</u>	<u>72.330.911.673</u>	<u>11.612.477.781</u>	<u>458.510.609.249</u>	<u>5.189.160.282.520</u>
Năm nay						
Số đầu năm	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	458.510.609.249	5.189.160.282.520
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	296.505.809.808	296.505.809.808
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(32.844.419.644)	(32.844.419.644)
Số cuối năm	<u>3.822.744.960.000</u>	<u>823.961.323.817</u>	<u>72.330.911.673</u>	<u>11.612.477.781</u>	<u>722.171.999.413</u>	<u>5.452.821.672.684</u>

(*) Công ty đã thực hiện trích khen thưởng, phúc lợi và Quỹ phục vụ công tác điều hành và hoạt động cộng đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 theo Nghị quyết số 270501/2024/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 27 tháng 5 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
Số cuối năm	3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
Cổ tức đã công bố	-	-

22.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu đang lưu hành	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Đô la Mỹ – USD	42.544.418	38.792.771
Đồng Euro – EUR	8.568	1.861
Bảng Anh – GBP	56	74

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	4.017.916.547.847	4.151.047.628.319
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	3.833.505.093.695	3.571.688.971.311
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	166.498.171.069	562.135.135.563
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	17.913.283.083	17.223.521.445
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(113.324.950)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	(105.404.950)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(7.920.000)
Doanh thu thuần	4.017.916.547.847	4.150.934.303.369
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	3.753.594.703.695	3.597.746.939.313
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i>	264.321.844.152	553.187.364.056

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức (*)	163.131.231.200	31.615.231.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	115.239.706.514	39.375.578.373
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.408.418.627	78.682.310.251
TỔNG CỘNG	303.779.356.341	149.673.119.824

(*) Đây là cổ tức được chia từ các công ty con và công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 31.

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn bán thành phẩm	3.231.071.940.296	3.052.003.505.373
Giá vốn bán hàng hóa	163.278.777.551	578.124.291.409
Giá vốn dịch vụ	1.773.450.495	1.113.495.693
TỔNG CỘNG	3.396.124.168.342	3.631.241.292.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng đầu tư tài chính	107.557.057.467	55.816.041.370
Chi phí lãi vay	105.463.320.371	119.641.696.676
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.861.816.704	9.391.670.328
Chi phí phát hành trái phiếu và khoản vay	7.118.400.548	7.041.384.960
Chi phí khác	-	22.727.273
TỔNG CỘNG	224.000.595.090	191.913.520.607

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển và xuất nhập khẩu	144.843.510.155	96.983.321.386
Chi phí quảng cáo và hoa hồng bán hàng	73.229.224.099	65.712.005.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.657.973.410	8.491.327.374
Chi phí nhân viên bán hàng	7.761.239.837	7.336.053.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.537.773.480	9.340.731.411
Chi phí khác	1.496.525.892	1.087.060.831
TỔNG CỘNG	241.526.246.873	188.950.499.426
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	36.865.631.982	24.934.729.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.866.190.832	19.436.822.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.999.898.908	20.479.269.813
Thuế, phí và lệ phí	7.668.255.786	5.356.623.262
Chi phí khác	10.132.384.324	6.620.867.597
TỔNG CỘNG	102.532.361.832	76.828.312.841

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	2.645.931.685.804	2.470.885.208.305
Chi phí nhân công	325.328.987.291	276.780.814.974
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	172.912.197.769	185.073.341.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	456.104.851.683	346.571.891.660
Chi phí khác	11.646.755.769	13.742.630.386
TỔNG CỘNG	3.611.924.478.316	3.293.053.887.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THU NHẬP, CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	5.094.041.692	6.648.060.622
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.097.497.221	2.462.961.532
Tiền phạt thu được	-	2.950.995.570
Các khoản khác	2.996.544.471	1.234.103.520
Chi phí khác	4.766.055.574	4.572.217.135
Chi phí bồi thường	1.020.341.297	4.466.969.727
Các khoản khác	3.745.714.277	105.247.408
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	327.986.118	2.075.843.487

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	59.749.684.101	49.188.807.503
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	354.849.413	338.735.610
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.230.174.847	-
TỔNG CỘNG	61.334.708.361	49.527.543.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	357.840.518.169	213.749.641.331
Thu nhập chịu mức thuế suất 20%	357.840.518.169	213.749.641.331
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty	71.568.103.634	42.749.928.265
Trong đó:		
Thuế suất thuế TNDN 20%	71.568.103.634	42.749.928.265
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí dự phòng không được trừ	18.971.815.699	12.886.674.466
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.230.174.847	-
Cổ tức được nhận	(32.626.246.240)	(6.323.046.240)
Các khoản điều chỉnh khác	2.190.860.421	213.986.622
Chi phí thuế TNDN	61.334.708.361	49.527.543.113

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

E

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	3.102.953.956	1.316.838.535	1.786.115.421	58.079.833
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá khoản mục tiền và phải thu	-	799.356.573	(799.356.573)	(396.815.443)
	3.102.953.956	2.116.195.108		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá khoản mục tiền và phải thu	(1.341.608.261)	-	(1.341.608.261)	-
	1.761.345.695	2.116.195.108		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			(354.849.413)	(338.735.610)

30.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính chắc chắn của thu nhập tính thuế trong tương lai:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	
Dự phòng khoản đầu tư ra nước ngoài	288.745.930.865
TỔNG CỘNG	288.745.930.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty An Phát Holdings”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”)	Công ty con
An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd. (“Công ty An Thành Singapore”)	Công ty con
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol (“Công ty An Thành”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (“Công ty An Tín”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh (“Công ty An Vinh”)	Công ty con
An Phat International, Inc.	Công ty con
AFC EcoPlastics, LLC.	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (“Công ty PBAT”)	Công ty con
Ankor Bioplastics Co., Ltd (“Công ty Ankor”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty Nhựa Hà Nội”)	Công ty liên kết (từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 tới ngày 25 tháng 9 năm 2024), công ty con (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024)
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường (“Công ty An Cường”)	Công ty cùng tập đoàn (từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 tới ngày 25 tháng 9 năm 2024), công ty con (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024)
Công ty TNHH An Trung Industries (“Công ty An Trung”)	Công ty cùng tập đoàn (từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 tới ngày 25 tháng 9 năm 2024), công ty con (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024)
Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim (“Công ty VIEXIM”)	Công ty cùng tập đoàn (từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 tới ngày 25 tháng 9 năm 2024), công ty con (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024)
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (“Công ty VMC”)	Công ty cùng tập đoàn (từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 tới ngày 25 tháng 9 năm 2024), công ty con (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024)
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Lương Điền Ngọc Liên (“Công ty Lương Điền Ngọc Liên”)	Công ty con (từ ngày 16 tháng 10 năm 2024)
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh (“Công ty Nhựa bao bì Vinh”)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt (“Công ty Nam Việt”)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam (“Công ty Sunrise”)	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần dịch vụ xăng dầu An Đông (“Công ty An Đông”)	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Ancop (“Công ty Ancop”)	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 30 tháng 11 năm 2024)
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát (“Công ty Suất ăn An Phát”)	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Anbio (“Công ty Anbio”)	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt

00
00
4N
37
1E
P
11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Thoán	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt của Công ty An Phát Holdings (tính đến ngày 09/10/2024)
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt của Công ty An Phát Holdings và công ty con
Ông Phạm Hoàng Việt	Lãnh đạo chủ chốt của công ty con
Ông Phạm Văn Tuấn	Lãnh đạo chủ chốt của công ty con
Ông Ngô Văn Thụ	Lãnh đạo chủ chốt của công ty con
Ông Lim Heon-young	Lãnh đạo chủ chốt của công ty con

12
 3
 M
 Y
 12
 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ	Nhận chuyển nhượng cổ phần	173.407.166.200	74.200.000.000
		Thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần	173.407.166.200	74.200.000.000
		Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.481.166.800	2.664.046.267
		Thanh toán tiền hàng và phí dịch vụ	3.747.660.144	2.895.317.872
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	779.343.518	-
		Thu tiền hàng và dịch vụ	1.284.440.999	-
		Công ty An Thành	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Thu tiền hàng và dịch vụ	157.964.420.157			790.495.740.026
Mua hàng hóa và dịch vụ	127.559.829.540			144.729.779.476
Thanh toán tiền hàng	148.630.805.249			150.887.328.676
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Mua hàng hóa	51.799.943.460	58.775.121.300
		Thanh toán tiền hàng	45.538.299.630	76.916.881.177
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.713.270.000	24.191.393.738
		Thu tiền hàng và dịch vụ	1.713.270.000	26.358.340.388
Công ty An Vinh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.644.439.743	9.623.272.504
		Thu tiền hàng	20.874.778.924	23.516.178.258
		Cho vay	-	22.800.000.000
		Thu hồi gốc vay	15.000.000.000	7.800.000.000
		Cổ tức được chia	-	8.596.000.000
		Nhận cổ tức bằng tiền	-	8.596.000.000
		Mua hàng hóa	1.617.159.650	-
		Thanh toán tiền hàng	1.115.043.900	3.058.178.665
Công ty An Tiến	Công ty con	Mua hàng hóa	73.691.498.844	80.259.878.499
		Thanh toán tiền hàng	86.178.773.545	82.431.002.760
		Tạm ứng tiền mua hàng	63.874.068.365	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.991.860.444	44.809.099.168
		Thu tiền hàng và dịch vụ	40.621.207.218	22.561.518.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
An Phát International, Inc.	Công ty con	Mua hàng hóa	16.030.672.515	51.622.466.427
		Thanh toán tiền hàng	16.049.439.449	51.601.411.663
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	20.660.454.223
		Thu tiền hàng	2.415.755.547	44.446.266.755
Công ty An Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	113.124.769.391	70.803.232.891
		Thanh toán tiền phí dịch vụ	110.461.089.252	76.482.020.170
		Thanh toán phí dịch vụ chi hộ	26.382.706.729	15.670.826.690
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.092.636.368	-
		Thu tiền hàng	1.195.320.000	-
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	97.500.000.000	536.465.000.000
		Thu hồi gốc vay	355.480.000.000	289.485.000.000
		Lãi cho vay	1.379.159.178	14.812.136.575
		Thu tiền lãi cho vay	1.379.159.178	2.572.527.396
		Cổ tức được chia	140.700.000.000	-
		Nhận cổ tức bằng tiền	140.700.000.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	529.315.000	262.393.184
		Thu tiền hàng và cung cấp dịch vụ	576.460.000	-
		Mua hàng hóa	983.627.870	-
		Thanh toán phí dịch vụ	958.646.972	-
AFC Ecoplastics, LLC.	Công ty con	Doanh thu bán hàng	46.770.988.792	26.991.698.021
		Thu tiền hàng	45.952.101.025	26.220.978.264
Công ty PBAT	Công ty con	Cho vay	650.000.000	98.940.000.000
		Nhận tiền cho vay	99.590.000.000	-
		Lãi cho vay	1.029.254.848	6.014.336.439
		Thu tiền lãi cho vay	7.043.591.287	-
Công ty Ankor	Công ty con	Mua dịch vụ	5.320.735.500	5.059.836.325
		Thanh toán phí dịch vụ	-	1.926.615.137
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.269.377.600
		Thu tiền hàng và dịch vụ	-	4.111.986.960
		Bù trừ công nợ	5.320.735.500	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty An Cường	Công ty con (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024)	Cho vay	21.184.019.400	-
		Nhận tiền cho vay	21.184.019.400	-
		Mua hàng	10.052.244.167	399.603.130
		Thanh toán tiền hàng	5.149.506.174	432.754.623
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.542.140.791	40.502.199.118
		Thu tiền hàng và dịch vụ	2.596.301.277	161.885.841.157
		Lãi cho vay	484.315.566	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024)	Cổ tức được chia	17.286.257.000	17.286.257.000
		Nhận cổ tức bằng tiền	17.286.257.000	17.286.257.000
		Doanh thu bán hàng hóa	7.654.948.000	15.000.000
		Nhận thanh toán tiền hàng	8.419.591.325	173.126.000
Công ty Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa dịch vụ	2.976.000	18.523.800.080
		Thanh toán tiền hàng	3.214.080	18.146.087.155
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa dịch vụ	57.658.253.552	69.235.035.683
		Thanh toán tiền hàng	63.951.818.186	95.836.144.672
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.746.388.734	10.567.031.539
		Thu tiền hàng và dịch vụ	16.108.359.204	13.232.929.468
		Chi hộ tiền điện, nước	4.917.906.998	2.766.058.746
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	4.703.974.200	4.703.974.200
		Nhận tiền cổ tức	4.703.974.200	4.703.974.200
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa dịch vụ	19.036.352.895	17.836.100.301
		Thanh toán tiền dịch vụ	20.099.468.567	19.275.991.912
		Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	228.000.770	-
		Thu tiền hàng và cung cấp dịch vụ	259.160.132	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Thuê đất	206.414.120.000	-
		Thanh toán tiền thuê đất	224.757.332.870	-
		Cho vay	29.000.000.000	-
		Nhận tiền cho vay	29.000.000.000	-
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	441.000.000	1.029.000.000
		Nhận cổ tức bằng tiền	-	1.029.000.000
Công ty VMC	Công ty con (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024)	Mua tài sản	200.000.000	-
		Thanh toán tiền mua tài sản	220.000.000	-
Công ty Lương Điền Ngọc Liên	Công ty con (từ ngày 16 tháng 10 năm 2024)	Cho vay	10.000.000.000	-
		Thu hồi gốc vay	10.000.000.000	-
Công ty An Trung	Công ty con (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024)	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.664.044.262	-
		Nhận thanh toán tiền hàng	1.823.827.863	-
		Thanh toán tiền hàng	274.555.988	-
		Mua hàng hóa	253.857.056	-
Công ty VIEXIM	Công ty con (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024)	Doanh thu bán hàng hóa	45.200.000	-
		Nhận thanh toán tiền hàng	50.215.680	-
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc	Chi hộ	246.882.154	-
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt của công ty An Phát Holdings (tính đến ngày 09/10/2024)	Hoàn ứng	6.035.131.575	1.273.484.589
		Tạm ứng	5.556.036.292	1.681.477.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty An Thành	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.177.818.227	19.865.316.374
Công ty An Cường	Công ty con (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024)	Bán hàng hóa và dịch vụ cho thuê xe	149.313.780	-
Công ty Ankor	Công ty con	Bán hàng	-	5.088.104.000
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	1.180.802.777
An Phát International, Inc.	Công ty con	Bán hàng	-	2.407.756.792
Công ty An Vinh	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	557.763.926
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	442.750.000
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.639.400	20.020.600
Bên liên quan khác		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	246.420.280
			4.335.771.407	29.788.914.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)					
Công ty PBAT	Công ty con	Mua hàng hóa	-	1.000.000.000	
			<u>-</u>	<u>1.000.000.000</u>	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)					
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	-	257.980.000.000	
Công ty PBAT	Công ty con	Cho vay	-	98.940.000.000	
			<u>-</u>	<u>356.920.000.000</u>	
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 8)					
Công ty An Vinh	Công ty con	Cho vay	-	15.000.000.000	
			<u>-</u>	<u>15.000.000.000</u>	
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)					
Công ty CP Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	441.000.000	-	
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Lãi phải thu	-	12.263.239.316	
Công ty PBAT	Công ty con	Lãi phải thu	-	6.014.336.439	
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt của công ty An Phát Holdings (tính đến ngày 09/10/2024)	Phải thu từ chi trả	-	479.095.283	
Bên liên quan khác			Phải thu khác	-	271.672.735
			<u>441.000.000</u>	<u>19.028.343.773</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)</i>				
Công ty An Tín	Công ty con	Mua dịch vụ vận tải	7.497.330.352	1.666.946.167
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Mua hàng hóa	6.220.135.440	-
Công ty An Cường	Công ty con (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024)	Mua công cụ, dụng cụ	5.750.832.636	-
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa	3.019.477.039	3.547.238.528
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa	1.797.156.720	1.337.120.160
Công ty An Thành	Công ty con	Mua hàng hóa	-	8.314.992.751
Công ty An Tiến	Công ty con	Mua hàng hóa	-	5.642.389.823
Bên liên quan khác		Mua hàng hóa và dịch vụ	747.972.441	19.097.613
			25.032.904.628	20.527.785.042
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16.2)</i>				
Công ty An Tiến	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	63.874.068.365	7.663.245.643
AFC Ecoplastics, LLC.	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	930.562.225	28.034.876
			64.804.630.590	7.691.280.519
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)</i>				
Công ty An Tín	Công ty con	Chi phí chi trả hộ	1.334.124.547	4.566.576.078
Công ty An Thành	Công ty con	Chi phí chi trả hộ	16.252.280	-
			1.350.376.827	4.566.576.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng giám đốc	879.574.614	781.054.923
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	813.069.232	658.665.691
Bà Trần Thị Thoán	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	893.401.923	763.066.886
Bà Nguyễn Thị Tịen	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT	-	10.000.000
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	-	408.484.023
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc	616.540.845	134.601.692
TỔNG CỘNG		<u>3.622.586.614</u>	<u>3.175.873.215</u>

Thù lao của Ban kiểm soát trong năm:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao của Ban Kiểm soát		264.000.000	264.000.000

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

- ▶ Bộ phận sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- ▶ Bộ phận kinh doanh thương mại các loại vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa; và
- ▶ Bộ phận kinh doanh các dịch vụ khác gồm cho thuê nhà xưởng, kho bãi, và một số dịch vụ khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh thương mại	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	3.833.505.093.695	166.498.171.069	17.913.283.083	4.017.916.547.847
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu	3.833.505.093.695	166.498.171.069	17.913.283.083	4.017.916.547.847
Kết quả				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	602.433.153.399	3.219.393.518	16.139.832.588	621.792.379.505
Chi phí không phân bổ (i)				(263.951.861.336)
Lợi nhuận thuần trước thuế				357.840.518.169
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(61.334.708.361)
Lợi nhuận thuần sau thuế				296.505.809.808
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản tăng trong năm				
Tài sản cố định hữu hình	307.319.746.596	15.530.075.922	168.679.734	323.018.502.252
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	157.645.025.029	7.966.423.357	86.527.212	165.697.975.598
Khấu hao và hao mòn	161.256.198.018	8.148.910.136	88.509.290	169.493.617.444
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.252.436.724	164.358.424	1.785.177	3.418.580.325
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận				
Tài sản không phân bổ (ii)	2.642.315.616.978	131.901.472.104	2.418.853.631	2.776.635.942.713
Tổng tài sản				5.436.431.113.402
Công nợ bộ phận				
Công nợ không phân bổ (iii)	464.268.283.293	22.727.599.833	680.892.556	8.213.067.056.115
Tổng công nợ				487.676.775.682
				2.272.568.607.749
				2.760.245.383.431

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh thương mại	Hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Doanh thu				Tổng cộng
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	3.571.575.646.361	562.135.135.563	17.223.521.445	4.150.934.303.369
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận				
Tổng doanh thu	3.571.575.646.361	562.135.135.563	17.223.521.445	4.150.934.303.369
Kết quả				
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	519.572.140.988	(15.989.155.846)	16.110.025.752	519.693.010.894
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				(305.943.369.570)
Lợi nhuận thuần trước thuế				213.749.641.331
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(49.188.807.503)
Lợi nhuận thuần sau thuế				164.222.098.218
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản tăng trong năm	17.914.110.022	3.393.371.647	6.535.800	21.314.017.469
Tài sản cố định hữu hình	153.612.490.980	29.097.971.986	56.044.119	182.766.507.085
Khấu hao và hao mòn	1.938.859.678	367.267.559	707.375	2.306.834.612
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn				-
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	642.654.526.006	95.304.888.874	1.000.603.660	738.960.018.540
Tài sản không phân bổ (ii)				6.841.259.944.596
Tổng tài sản	272.940.208.262	49.906.005.449	349.383.655	7.580.219.963.136
Công nợ bộ phận				323.195.597.366
Công nợ không phân bổ (iii)				2.067.864.083.250
Tổng công nợ				2.391.059.680.616

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu về cho vay, phải thu khác, chi phí trả trước, thuế GTGT được khấu trừ và đầu tư tài chính dài hạn.
- (iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và quỹ khen thưởng phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	698.890.632	698.890.632
Từ 1 đến 5 năm	2.795.562.528	2.795.562.528
Trên 5 năm	63.187.441.881	66.177.783.681
TỔNG CỘNG	<u>66.681.895.041</u>	<u>69.672.236.841</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	12.537.201.166	8.037.452.731
Từ 1 đến 5 năm	33.278.826.727	2.389.909.091
TỔNG CỘNG	<u>45.816.027.893</u>	<u>10.427.361.822</u>

Cam kết khác

Công ty và Công ty An Cường đã ký kết thỏa thuận nhận cấp phép bản quyền một số sản phẩm văn bản với một đối tác doanh nghiệp (bên cấp phép). Theo đó, Công ty đảm bảo vô điều kiện cho bên cấp phép việc thanh toán số tiền bản quyền hàng kỳ trong trường hợp Công ty An Cường không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn hoặc không trả bất kỳ khoản tiền chưa thanh toán nào khác.

Các khoản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản với các ngân hàng thương mại

Công ty đã ký Thư bảo lãnh với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam cam kết bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần An Tiên Industries. Theo đó, Công ty cam kết về việc thanh toán toàn bộ tất cả các nghĩa vụ trực tiếp và các nghĩa vụ ngoài dự kiến mà công ty An Tiên Industries đang nợ nhưng không có khả năng thanh toán khi đến hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Tổng cam kết theo thư bảo lãnh giới hạn ở mức 87.600.000.000 VND.

30
T
Ư
C
M
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo nghị quyết số 120202/2025/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 15.511.200 cổ phần, tương đương 48,65% vốn điều lệ của Công ty An Thành, công ty con của Công ty, cho một công ty con khác là Công ty An Tiến. Sau khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng này, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong công ty An Thành giảm còn 0,03% vốn điều lệ.

Theo nghị quyết số 130202/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 2 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc giảm vốn đầu tư của Công ty vào Công ty PBAT. Sau khi giảm vốn, giá trị vốn đầu tư của Công ty vào Công ty PBAT (tính theo mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần) là 41.441.200.000 đồng, tương đương 4.144.120 cổ phần, chiếm 21,15% vốn điều lệ của Công ty PBAT.

Theo Nghị quyết số 100302/2025/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 7.185.500 cổ phần, tương đương 9,75% vốn điều lệ của Công ty An Tiến, công ty con của Công ty.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Thùy Vân
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng




Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn